

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2021/HS-PT
Ngày: 02/4/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Trang.

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Hồng Vân;

Bà Võ Thị Hồng Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phở - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Lê Hồng Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 51/2021/TLPT-HS ngày 01 tháng 3 năm 2021 đối các bị cáo Nguyễn Văn T, Lê Thị Đ do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án Hình sự sơ thẩm số 03/2021/HS-ST ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện BC, tỉnh TN.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. **Nguyễn Văn T** (tên gọi khác: H), sinh năm 1977, tại tỉnh Tây Ninh. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: Ấp LA, xã LT, huyện BC, tỉnh TN; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M (chết) và bà Nguyễn Thị Đ (chết); có vợ tên Lê Thị Đ; có 02 người con, lớn sinh năm 1998, nhỏ sinh năm 2001; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ từ ngày 17/8/2020, đến ngày 26/8/2020 chuyển sang tạm giam cho đến nay, có mặt.

2. **Lê Thị Đ**, sinh năm: 1978, tại tỉnh Tây Ninh. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: Ấp LA, xã LT, huyện BC, tỉnh TN; Nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn B (chết) và bà Trần Thị T (chết); có chồng tên Nguyễn Văn T; có 02 người con, lớn sinh năm 1998, nhỏ sinh năm

2001; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ từ ngày 17/8/2020, đến ngày 26/8/2020 áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ 05 phút ngày 17-8-2020, Công an huyện BC phối hợp cùng Công an xã LT, huyện BC, tỉnh TN tiến hành kiểm tra nhà Nguyễn Văn T, Lê Thị Đ tại ấp LA, xã LT, huyện BC, tỉnh TN. Qua kiểm tra phát hiện 4.327 bao thuốc lá điều các loại được cất giấu tại nhiều vị trí trong nhà nên tiến hành lập biên bản quả tang, tạm giữ người và vật chứng.

Nguyễn Văn T và Lê Thị Đ làm nghề buôn bán tạp hóa tại khu vực chợ biên giới thuộc ấp LA, xã LT, huyện BC, tỉnh TN. T và Đ mua thuốc lá điều các loại nhập lậu từ Campuchia về Việt Nam cất giấu tại nhà bán lại cho người khác để hưởng lợi. Từ ngày 14-8-2020 đến ngày 16-8-2020, T nhiều lần đi bộ một mình sang khu vực thành phố Ba Vét, tỉnh Svay Riêng, Vương quốc Campuchia gặp một người phụ nữ người Campuchia (không rõ lai lịch) mua 1.000 bao thuốc lá hiệu GOLD KING SIZE NO 555 có dòng chữ “Hút thuốc dẫn đến cái chết từ từ và đau đớn”, giá 12.000 đồng/bao và 3.327 bao thuốc lá điều các loại với số tiền 63.000.000 đồng mang về nhà, sau đó cùng vợ là Lê Thị Đ chia ra từng túi nilon màu đen cất giấu tại nhiều vị trí trong nhà. Đến khoảng 00 giờ 05 phút thì bị Công an kiểm tra, phát hiện và bắt giữ.

Công văn số 23/2020-AIT-BAT ngày 14-9-2020 của Văn phòng đại diện British-American Tobacco Marketing (Singapore) Pte Ltd tại Thành phố Hồ Chí Minh xác định: 1.000 bao nhãn hiệu GOLD KING SIZE NO 555 trên bao bì tem chữ Việt Nam là sản phẩm giả mạo.

Thông báo kết quả giám định số 0106/N3.20/TĐ ngày 05-10-2020 của Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3 kết luận: Mẫu gửi giám định có kết quả kiểm tra bao bì, ghi nhãn, ngoại quan khác so với hàng thật.

Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 38/KL-HĐĐGTTTHS ngày 19-10-2020 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện BC kết luận: 1.000 bao thuốc lá nhãn hiệu GOLD KING SIZE NO 555 trên bao bì tem có chữ Việt Nam, ghi sản xuất tại Việt Nam, tại thời điểm định giá ngày 17/8/2020 có trị giá 29.000.000 đồng.

Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số 03/2021/HS-ST ngày 25-01-2021 của Tòa án nhân dân huyện BC, tỉnh TN đã tuyên xử:

1. Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 190; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 06 (sáu) năm tù về tội “Buôn bán hàng cấm”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17 tháng 8 năm 2020.

2. Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 190; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Lê Thị Đ 05 (năm) năm tù về tội “Buôn bán hàng cấm”. Thời hạn chấp hành tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án và được trừ thời gian tạm giam từ ngày 17 tháng 8 năm 2020 cho đến ngày 25 tháng 8 năm 2020.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về hình phạt bổ sung, xử lý các vật chứng và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 28 tháng 01 năm 2021, bị cáo Lê Thị Đ có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021, bị cáo Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng Hình sự không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các bị cáo không tranh luận.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đề nghị không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm; các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội; giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, cung cấp tài liệu, chứng cứ mới thể hiện bị cáo T có chú ruột là liệt sĩ và hiện bị cáo T đang trực tiếp thờ cúng.

[2] Hành vi của các bị cáo thể hiện: Từ ngày 14/8/2020 đến ngày 16/8/2020, tại khu vực ấp LA, xã LT, huyện BC, tỉnh TN, bị cáo T trực tiếp qua Campuchia mua 3.327 bao thuốc lá điều ngoại nhập đem về nhà cùng bị cáo Đ cất giấu mục đích bán lại.

Thuốc lá điều do người nước ngoài sản xuất là hàng cấm theo Danh mục tại Nghị định số 59/2006/NĐ-CP ngày 02/6/2006 quy định chi tiết Luật Thương mại về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện và Nghị định số 43/2009/NĐ-CP ngày 07/5/2009 sửa đổi, bổ sung Danh mục hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh của Nghị định số 59/2006/NĐ-CP ngày 02/6/2006.

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Nguyễn Văn T, Lê Thị Đ về tội “Buôn bán hàng cấm”, với tình tiết định khung là “Thuốc lá điều nhập lậu từ 3.000 bao đến 4.500 bao” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 190 của Bộ luật Hình sự 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo thấy rằng:

3.1. Đối với bị cáo T:

Bị cáo T là người trực tiếp thực hiện hành vi qua Campuchia mua thuốc lá về bán lại kiếm lời. Cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tại cấp phúc thẩm bị cáo có cung cấp tình tiết mới thể hiện bị cáo có chú ruột tên Nguyễn Văn N là liệt sĩ và hiện nay bị cáo T là người đang trực tiếp thờ cúng liệt sĩ. Đây được xem là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do đó, căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm một phần hình phạt.

3.2. Đối với bị cáo Đ:

Bị cáo Đ là vợ của bị cáo T, là người giúp cho bị cáo T thực hiện việc phân chia cất giấu, thuốc lá. Xét thấy, bị cáo Đ phạm tội lần đầu, đóng vai trò là người giúp sức, vai trò không đáng kể, trong suốt quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo Đ luôn thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bị cáo. Ngoài ra, bị cáo Đ có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, không có tình tiết tăng nặng nên có căn cứ xem xét áp dụng khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự xét xử bị cáo ở khung hình phạt liền kề và không cần thiết bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù mà áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo hưởng án treo, đồng thời ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe đối với bị cáo và thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

Do đó, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo T, Đ.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo T và Đ không phải chịu do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T (H) và bị cáo Lê Thị Đ.

Sửa Bản án Hình sự sơ thẩm số 03/2021/HS-ST ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện BC, tỉnh TN.

2. Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 190; Điều 17; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T (H) 05 (năm) năm tù về tội “Buôn bán hàng cấm”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/8/2020.

Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 190; Điều 17; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 54, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Lê Thị Đ 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo về tội “Buôn bán hàng cấm”, thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày 02/4/2021.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã LT, huyện BC, tỉnh TN giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, các bị cáo Nguyễn Văn T, Lê Thị Đ không phải chịu.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh TN;
- Vụ 1 – TANDTC;
- Sở Tư pháp tỉnh TN;
- Phòng KTNV TAND tỉnh TN;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Phòng PV06 CA tỉnh TN;
- TAND huyện BC;
- CCTHADS huyện BC;
- VKSND huyện BC;
- Công an huyện BC;
- Bị cáo;
- Những NLQ;
- Tòa Hình sự;
- Lưu HS./.

(Đã ký)

Lê Thị Thu Trang